

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15-7-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hải.

Ông Trần Quốc Hội.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng tham gia phiên tòa: Ông Lê Công Hậu – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 6, 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị C, sinh năm 1990.

Hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã T, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã P, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Nguyễn Văn M, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

(Tại phiên tòa chị C có mặt, anh M vắng mặt lần thứ hai không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Lời trình bày của nguyên đơn Nguyễn Thị C: Vào năm 2011, chị C và anh M yêu thương nhau và được hai bên gia đình chấp thuận tổ chức lễ cưới cho chị C và anh M về chung sống với nhau, ngày 12-11-2013 chị C và anh M mới đăng

ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Đồng Tháp. Trong quan hệ hôn nhân chị C và anh M có 02 con chung tên Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 24-3-2013 và Nguyễn Hữu T, sinh ngày 03-9-2021, hiện Đ và T đều đang sống chung với chị C. Vợ chồng sống chung với nhau hơn 10 năm thì cũng nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, cũng rất nhiều lần anh M mắng chửi, thậm chí đánh đập chị C nhưng vì thương con còn nhỏ nên chị C nhịn nhục bỏ qua. Nhưng đến một ngày trong tháng 12-2021, khi anh M và chị C đang cào ốc ở dưới sông thì do làm mệt nên xảy ra cự cãi, chị C thấy cào ốc được ít quá nên nói anh M ráng làm thêm thì anh M chửi chị C, còn đòi chị C đưa tiền, đưa vàng cho anh M về nhà ở (vì lúc này vợ chồng đang ở chung với ba chị C ở xã Tân P), sau đó thì anh M về nhà ở xã T ở và sống ly thân với chị C tới nay, trong thời gian ly thân thì chị C và anh M cũng không hàn gắn tình cảm lại được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, có sống chung lại cũng không hạnh phúc nên chị C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Chị C yêu cầu được ly hôn với anh M vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Chị C yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên con chung tên Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 24-3-2013 và Nguyễn Hữu T, sinh ngày 03-9-2021. Chị C không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời trình bày của bị đơn Nguyễn Văn M: Vào năm 2011, anh M và chị C yêu thương nhau và được hai bên gia đình chấp thuận tổ chức lễ cưới cho anh M và chị C về chung sống với nhau, ngày 12-11-2013 anh M và chị C mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Đồng Tháp. Trong quan hệ hôn nhân anh M và chị C có 02 con chung tên Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 24-3-2013 và Nguyễn Hữu T, sinh ngày 03-9-2021, hiện Đ và T đều đang sống chung với chị C. Vợ chồng sống chung với nhau hơn 10 năm thì cũng nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, cũng có lần anh M mắng chửi, có đánh chị C 01 lần nhưng chị C cũng bỏ qua. Lần này chị C yêu cầu ly hôn là vì một ngày trong tháng 12-2021, khi anh M và chị C đang cào ốc ở dưới sông thì do làm mệt nên xảy ra cự cãi, rồi anh M đòi chị C đưa tiền cho anh M để anh M về nhà ở (vì lúc này anh M và chị C đang ở chung với ba chị C ở xã Tân P), sau đó thì anh M về nhà ở xã T ở và sống ly thân với chị C tới nay, trong thời gian ly thân thì anh M và chị C cũng không hàn gắn tình cảm lại được. Nay qua yêu cầu của chị C thì anh M có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Anh M không đồng ý ly hôn với chị C vì anh M còn thương vợ, thương con rất nhiều.

Về con chung: Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh M yêu cầu được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 24-3-2013 và Nguyễn Hữu T, sinh ngày 03-9-2021, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đối với yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị C: Chị C nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, có sống chung lại cũng không hạnh phúc nên chị C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề như sau: Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn M; Về con chung: Yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 24-3-2013 và Nguyễn Hữu T, sinh ngày 03-9-2021. Riêng cháu Đ có ý kiến nếu Tòa án cho chị C và anh M ly hôn thì cháu Đ xin được sống với mẹ là chị Nguyễn Thị C. Chị C không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh M trình bày: Thống nhất như lời trình bày của chị C về diễn biến cuộc sống hôn nhân giữa hai vợ chồng nhưng không đồng ý ly hôn, nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh M yêu cầu được nuôi con.

Xét thấy hôn nhân của chị C và anh M đã rạn nứt, đã ly thân từ tháng 12-2021 nhưng đến nay không thể hàn gắn, từ đó cho thấy đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được, nên yêu cầu của chị C là có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 24-3-2013 và Nguyễn Hữu T, sinh ngày 03-9-2021 cho chị Nguyễn Thị C chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

Không yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Nguyễn Văn M đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn M sống chung có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 12-11-2013 nên hôn nhân của chị C và anh M là hợp pháp.

Trong thời gian sống chung chị C và anh M thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, rất nhiều lần anh M mắng chửi, có lần còn đánh đập chị C, sống chung với nhau không hạnh phúc nên chị C khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh M. Cuối tháng 12-2021 cho đến nay chị C và anh M đã ly thân với nhau, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng chị C cương quyết yêu cầu ly hôn với anh M, hơn nữa từ sau khi Tòa án hòa giải đoàn tụ đến nay thì anh M cũng không thể hàn gắn tình cảm với chị C.

Xét thấy quan hệ hôn nhân của vợ chồng chị C và anh M đã mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, vậy nên nếu có tiếp tục sống chung cũng không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C đối với anh M.

[2.2] Về con chung: Chị C và anh M thống nhất có 02 con chung tên Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 24-3-2013 và Nguyễn Hữu T, sinh ngày 03-9-2021. Nay ly hôn chị C yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Anh M không đồng ý mà yêu cầu được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con (trong trường hợp Tòa án giải quyết cho chị C được ly hôn với anh M).

Tại khoản 2 khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“2 ...; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. 3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi,...”*. Xét thấy lời khai của cháu Đ là có nguyện vọng được sống chung với chị C, cháu T thì còn rất nhỏ (dưới 36 tháng tuổi), hiện nay cháu Đ và cháu T đều đang sống chung với chị C, do đó để không làm ảnh hưởng đến tâm lý của cháu Đ, cháu T nên chấp nhận yêu cầu của chị C, giao 02 con chung cho chị C tiếp tục được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu anh M lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh M theo quy định tại các điều 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con và anh M cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị C và anh M đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: “*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*”, vậy chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0002798 ngày 15-3-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, chị Nguyễn Thị C đã nộp đủ án phí. Anh Nguyễn Văn M không phải chịu án phí.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 5, 28, 35, 39, 91, 92, 144, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 24-3-2013 và Nguyễn Hữu T, sinh ngày 03-9-2021 cho chị Nguyễn Thị C tiếp tục được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (hiện 02 cháu Đ, T đều đang sống chung với chị C). Anh Nguyễn Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu anh Nguyễn Văn M lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Nguyễn Thị C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Nguyễn Văn M.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị C không yêu cầu cấp dưỡng, anh Nguyễn Văn M không tự nguyện cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn M đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình:

Chị Nguyễn Thị C có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0002798 ngày 15-3-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, chị Nguyễn Thị C đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Văn M không phải chịu án phí.

5. Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15-7-2022). Riêng bị đơn Nguyễn Văn M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại của Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Bé Hương